

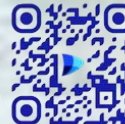
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DFXN

DFIX

Tháng 08/2026

Kiên trì – Định kỳ – Dài hạn
Trên app iTRUST

itrust.dfvn.com.vn



Dai-ichi Life Vietnam
Fund Management - DFXN

Thông tin chung

Ngày thành lập	04/02/2021
Tổng tài sản (NAV)	88.24 tỷ đồng
Ngân hàng Giám sát	HSBC Việt Nam
Ngày giao dịch	Thứ ba, thứ năm hàng tuần (T)
Hạn cuối nhận lệnh	11:30 Sáng ngày T-1
NAV/CCQ	12,215.29 VNĐ
Độ biến động	0.29%
Phí quản lý	0.9%/năm
Phí mua	Miễn phí
Phí bán	<90 ngày: 0.5% Từ 90 ngày: Miễn phí

(*) Áp dụng chương trình SIP Linh hoạt. Xem chi tiết trong Bản cáo bạch của Quỹ.

Mục tiêu đầu tư

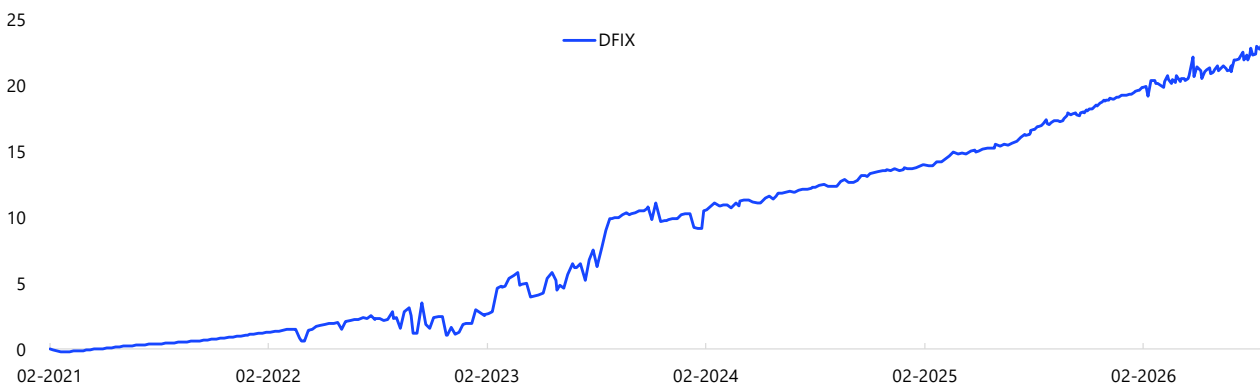
Quỹ DFIX hướng tới mục tiêu tăng trưởng bền vững trong trung và dài hạn thông qua việc đầu tư vào các tài sản thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt.

Chiến lược đầu tư

Quỹ DFIX định hướng xây dựng một danh mục bao gồm tín phiếu, trái phiếu và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ tám mươi phần trăm (80%) giá trị tài sản ròng trở lên.

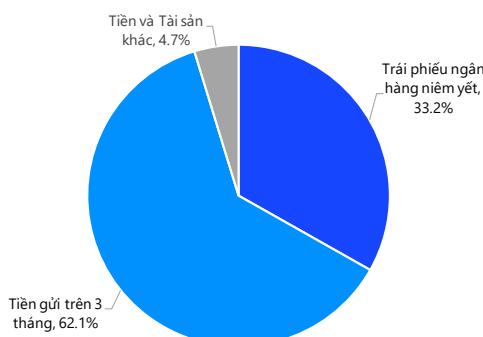
Kết quả hoạt động

Tăng trưởng (%)	1 tháng	3 tháng	12 tháng	So với đầu năm	Kể từ khi thành lập
DFIX	-0.2	0.9	4.4	2.4	22.2



(Nguồn: DFXN, HNX)

Danh mục đầu tư



Công ty	% NAV
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	18.6%
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn VN	17.7%
Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM	13.0%
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam	12.8%
Ngân hàng TMCP Phương Đông	11.6%

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DFVN DFIX

Tháng 08/2026

Kiên trì – Định kỳ – Dài hạn
Trên app iTRUST

itrust.dfvn.com.vn



Chỉ số vĩ mô đáng chú ý

IIP (% svck)	CPI (% svck)	Kim ngạch XNK (% svck)	Tiêu dùng (% svck)	Tỷ giá cuối tháng 8/26
11.9	4.89	+28.7	+13.3	26,065
8 tháng 2026	Tháng 8/2026	8 tháng 2026	8 tháng 2026	-0.6% so với cuối năm 2026

Diễn biến tỷ giá: Trong tháng 8/2026, tỷ giá USD/VND duy trì trạng thái tương đối ổn định nhờ nguồn cung ngoại tệ tiếp tục được hỗ trợ bởi dòng vốn FDI giải ngân và trạng thái nhập siêu của hoạt động xuất khẩu đã giảm mạnh. Tính đến cuối tháng 8/2026, tỷ giá USD/VND tiếp tục giảm nhẹ về mức 26,065 VND/USD trên thị trường liên ngân hàng, tương đương mức giảm 0.8% so với cuối tháng 7. Mặc dù đồng USD toàn cầu có xu hướng duy trì sức mạnh trước kỳ vọng chính sách tiền tệ thận trọng của FED, áp lực lên VND nhìn chung vẫn trong tầm kiểm soát.

Diễn biến lãi suất: Ngân hàng Nhà nước tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ theo hướng hỗ trợ tăng trưởng kinh tế đồng thời kiểm soát lạm phát. Thanh khoản hệ thống ngân hàng nhìn chung ổn định, tuy nhiên nhu cầu tín dụng tăng trong giai đoạn cuối quý III đã khiến lãi suất liên ngân hàng một số kỳ hạn tăng nhẹ so với các tháng trước. Mặt bằng lãi suất huy động duy trì ở mức tương đối ổn định, phản ánh sự cân bằng giữa mục tiêu hỗ trợ tăng trưởng và duy trì ổn định tỷ giá.

Thị trường trái phiếu Chính Phủ: Hoạt động phát hành TPCP tiếp tục được duy trì tích cực trong tháng 8. Theo số liệu của VBMA, đến ngày 26/08/2026, Kho bạc Nhà nước đã phát hành lũy kế khoảng 228,921 tỷ đồng TPCP, hoàn thành khoảng 45.8% kế hoạch phát hành năm 2026 là 500,000 tỷ đồng. Lợi suất trúng thầu kỳ hạn 5 năm và 10 năm tăng nhẹ 1-2 điểm cơ bản so với các phiên trước đó, phản ánh nhu cầu vốn trung và dài hạn gia tăng nhưng mặt bằng lãi suất nhìn chung vẫn ổn định.

Thị trường trái phiếu doanh nghiệp: Theo báo cáo tháng 8/2026 của VBMA, lũy kế từ đầu năm 2026, tổng giá trị phát hành TPDN được ghi nhận là 348,980 tỷ đồng, với 217 đợt phát hành riêng lẻ trị giá 295,942 tỷ đồng (chiếm 84.8% tổng giá trị phát hành), 35 đợt phát hành công chúng trị giá 53,038 tỷ đồng (chiếm 15.2% tổng số) và 1 đợt phát hành ra quốc tế. Nhóm ngân hàng tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn nhất, tương đương 68.7% tổng lượng phát hành. Ngành bất động sản ghi nhận sự phục hồi đáng kể với khối lượng phát hành đạt 11,658 tỷ đồng.

Triển vọng thị trường: Môi trường thanh khoản nhìn chung vẫn được duy trì ổn định trong tháng 8 nhờ định hướng điều hành hỗ trợ tăng trưởng của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước. Tuy nhiên, áp lực cân đối giữa tăng trưởng huy động và tín dụng, ổn định tỷ giá và kiểm soát lạm phát có thể khiến lãi suất khó giảm thêm trong ngắn hạn. Thị trường trái phiếu Chính phủ dự kiến tiếp tục duy trì hoạt động phát hành ổn định nhằm đáp ứng nhu cầu ngân sách, trong khi thị trường trái phiếu doanh nghiệp đang cho thấy tín hiệu phục hồi rõ rệt, đặc biệt ở nhóm tổ chức tín dụng. Nhà đầu tư cần tiếp tục theo dõi diễn biến thanh khoản hệ thống và mặt bằng lãi suất để đánh giá triển vọng của thị trường trái phiếu trong các tháng cuối năm.

Lưu ý chung

DFVN lựa chọn chỉ số VN100 TRI làm chỉ số tham chiếu nhằm tuyên bố tuân thủ theo các tiêu chuẩn của GIPS (xem thông tin chi tiết trong báo cáo GIPS ở trang tiếp theo). Ngoài ra, mục tiêu đầu tư của Quỹ là tạo ra mức tăng trưởng tốt hơn mức tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam, được đo lường bằng chỉ số Vn-index. Đây cũng là chỉ số được sử dụng rộng rãi để làm chỉ số tham chiếu.

Tài liệu này được soạn thảo và phát hành bởi Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam ("DFVN") và có thể thay đổi tùy thuộc thị trường và các điều kiện khác. DFVN không chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin trong tài liệu này, ngoại trừ thông tin, dữ liệu của các Quỹ do DFVN quản lý và được cung cấp trong tài liệu này. Tài liệu này phản ánh quan điểm và đánh giá của tác giả tại thời điểm phát hành, mục đích để tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch cũng không phải là lời đề nghị hay bất kỳ cam kết nào của DFVN hoặc Quỹ do DFVN quản lý. DFVN không có nghĩa vụ cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức trong trường hợp có ý kiến, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DFXN

DFIX

Kiên trì – Định kỳ – Dài hạn
Trên app iTRUST

itrust.dfxn.com.vn



Dai-ichi Life Vietnam
Fund Management - DFXN

Báo cáo GIPS

Tỷ suất lợi nhuận trung bình
hàng năm trong 3 năm

Độ lệch chuẩn trung bình
hàng năm trong 3 năm

Năm	Tỷ suất lợi nhuận ròng (%)	Tỷ suất lợi nhuận gộp (%)	Tỷ suất sinh lợi chi số tham chiếu (%)	Thông tin bổ sung (Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng (%))	Quỹ (%)	Chỉ số tham chiếu (%)	Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng (%)	Quỹ (%)	Chỉ số tham chiếu (%)	Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng (%)	Tổng tài sản Quỹ quản lý (Tỷ đồng)	Tổng tài sản Công ty quản lý (Tỷ đồng)
2021 (Từ 04/02/21 - 31/12/21)	1.20	3.80	5.16	3.14	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a	63.27	41,368.13
2022	0.84	3.14	5.40	3.37	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a	63.63	42,772.59
2023	8.16	10.54	6.66	3.99	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a	69.09	57,802.91
2024	3.21	5.00	4.81	1.76	6.18	5.62	3.04	2.40	0.27	0.32	76.29	62,358.28
2025	4.84	6.48	4.78	1.76	7.31	5.41	2.50	2.07	0.28	0.33	86.17	68,765.81

- DFVN tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực đo lường Hiệu suất đầu tư Toàn cầu (GIPS® - Global Investment Performance Standards), chuẩn bị và trình bày báo cáo này tuân theo các tiêu chuẩn của GIPS®. DFXN đã thiết lập các chính sách và quy trình để tuân thủ tất cả các yêu cầu áp dụng của tiêu chuẩn GIPS®. Tuy nhiên, việc tuân thủ theo các chuẩn mực GIPS® của DFXN chưa được một bên độc lập khác xác minh.
- Công ty Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam ("DFVN") được thành lập và hoạt động từ tháng 02 năm 2014, tiền thân là Phòng Đầu tư Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam, một trong những công ty Bảo hiểm Nhân thọ có vốn nước ngoài đầu tiên được thành lập tại Việt Nam. DFXN hiện tại đang quản lý các danh mục ủy quyền của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam. Đồng thời, DFXN hiện đang quản lý 02 quỹ mở là Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFXN ("DFVN-CAF") và Quỹ Đầu tư Trái phiếu DFXN ("DFVN-FIX").
- Quỹ Đầu tư Trái phiếu DFXN hướng tới mục tiêu tăng trưởng bền vững trong trung và dài hạn thông qua việc đầu tư vào các tài sản thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt.
- Chỉ số tham chiếu được chọn để tuân thủ đúng theo các tiêu chuẩn của GIPS® là bình quân lãi suất tiết kiệm bằng VND kỳ hạn 12 tháng của 4 ngân hàng thương mại cổ phần nhà nước, bao gồm Vietcombank, BIDV, VietinBank và Agribank.
- Bình quân lãi suất tiết kiệm bằng VND kỳ hạn 1 tháng của 4 ngân hàng thương mại cổ phần nhà nước, bao gồm Vietcombank, BIDV, VietinBank và Agribank là một chỉ số tham chiếu tham khảo bổ sung cho chỉ số lãi suất tiết kiệm bình quân 12 tháng. Chỉ số này được ghi nhận là "Thông tin bổ sung" trong báo cáo theo chuẩn mực GIPS®.
- Định giá và tính toán trong báo cáo trên được tính dựa trên Việt Nam đồng. Các quy tắc định giá, tính toán hiệu suất và việc chuẩn bị báo cáo GIPS® có sẵn khi được yêu cầu.
- Lợi nhuận Quỹ bao gồm lợi nhuận ròng và lợi nhuận gộp. Tổng chi phí của Quỹ bao gồm phí quản lý Quỹ, chi phí hành chính và các khoản chi phí khác. Để tính lợi nhuận gộp, DFXN cộng thêm một tỷ lệ tổng chi phí (TER - Total expense ratio) hàng tháng vào tỷ suất lợi nhuận ròng. Tỷ lệ tổng chi phí của Quỹ sẽ được tính dựa trên tổng chi phí và tổng tài sản ròng bình quân và được phản ánh trên chi phí giao dịch. Phí quản lý Quỹ tối đa sẽ là 0.9%/năm và có thể phát sinh giảm trong thời gian tới. Vui lòng xem kỹ Bản Cáo bạch của Quỹ để biết thêm thông tin chi tiết. Tỷ lệ chi phí của Quỹ tại thời điểm cuối năm tài chính gần nhất (31/12/2025) là 1.54%.
- Tỷ suất lợi nhuận gộp được sử dụng để tính độ lệch chuẩn trung bình hàng năm trong 3 năm.
- Tính đến thời điểm ngày 31/12/2025, 11.3% tổng giá trị hợp lý được định giá bằng các mô hình định giá nội bộ, không mang tính thị trường.
- Danh sách mô tả về Quỹ sẽ luôn có sẵn khi được yêu cầu.
- Ngày thành lập và cũng là ngày Quỹ đi vào hoạt động là 04/02/2021.
- Độ lệch chuẩn trung bình hàng năm trong 3 năm cho biết độ biến động của Quỹ so với chỉ số tham chiếu trong vòng 36 tháng. DFXN sử dụng lợi nhuận gộp để tính độ lệch chuẩn.
- GIPS® là nhãn hiệu được đăng ký quyền sở hữu của viện CFA. Viện CFA không bảo trợ hoặc quảng cáo cho tổ chức này, cũng như không bảo đảm về tính chính xác hoặc chất lượng của nội dung trong đây.